TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/KDTM-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông

Bà Trần Thị Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam *tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 32/2024/TLST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty H; địa chỉ trụ sở chính: Số 87 đường C, phường Đ, quận L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị A, chức vụ: Giám đốc công ty. Bà A ủy quyền cho ông Trần H và bà Trần Thị N tham gia tố tụng (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/5/2024); địa chỉ liên hệ: Cụm công nghiệp D, xã D, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Ông H vắng mặt, bà N có mặt

- Bị đơn: Công ty L; địa chỉ trụ sở chính: Số 5 đường N, phường T, thành phố K, tỉnh Quảng Nam (theo Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 1 ngày 31/01/2024).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần D, chức vụ: Giám đốc công ty. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại theo uỷ quyền nguyên đơn là bà Trần Thị N trình bày:

Ngày 25/01/2024, Công ty L với Công ty H ký kết Hợp đồng mua bán số 2501/2024/VHQN-ĐL về việc mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê

tông phục vụ thi công công trình đổ đường tại xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam. Theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng Công ty H sẽ bán cho Công ty L bê tông thương phẩm M300, đơn giá 1.215.000 đồng/1m^3. Thực hiện hợp đồng, Công ty H đã giao bê tông cho Công ty L tại công trình đổ đường tại xã Đ với khối lượng và chất lượng đúng theo yêu cầu tại hợp đồng đã ký kết. Đồng thời Công ty H đã xuất hóa đơn tài chính cho Công ty L tương ứng với giá trị giao hàng là 314.685.000 đồng và Công ty L đã tạm ứng cho Công ty H là 182.250.000 đồng. Theo Biên bản đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/3/2024 thì Công ty L còn nợ Công ty H số tiền 132.435.000 đồng, tuy nhiên sau đó Công ty L không thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty H, mặc dù Công ty H đã nhiều lần liên hệ và đến Công ty L để yêu cầu trả tiền nhưng Công ty L không trả và tiếp tục trì hoãn việc trả tiền với nhiều lý do không chính đáng. Việc chậm trả tiền nợ của Công ty L đã gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty H, đặc biệt là khó khăn về nguồn vốn tái đầu tư. Do đó Công ty H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty L phải thanh toán cho Công ty H số tiền nợ gốc là 132.435.000 đồng và buộc Công ty L phải trả lãi chậm trả cho Công ty H kể từ ngày quá hạn thanh toán là ngày 20/02/2024 đến ngày 20/5/2024 với số tiền là 2.145.447 đồng, tổng cộng là 134.580.447 đồng và tiếp tục phải chịu lãi cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền còn nợ, chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 132.435.000 đồng.

Bị đơn Công ty L:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,… nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty L không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 431, 432, 433 và 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu trả lãi suất chậm trả với số tiền 2.145.447 đồng và xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 132.435.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty H khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty L có địa chỉ trụ sở chính tại số 5 đường N, phường T, thành phố K, tỉnh Quảng Nam (*đến nay chưa có thay đổi địa chỉ công ty trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà chỉ thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty)* thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp

đồng mua bán số 2501/204/VHQN-ĐL. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và Tòa án thành phố Tam Kỳ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty L không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa theo thông báo của Tòa án. Đến ngày 24/9/2024 người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trần D có đơn đề nghị hoãn phiên tòa với lý do hiện nay ông đang bị đau chữa bệnh trầm cảm tại Bệnh viện tâm thần Quảng Nam, công ty dừng hoạt động nên chưa nhận được thông báo nào của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ. Đến ngày 10/9/2024 công ty nhận được Quyết định hoãn phiên tòa số 24 ngày 09/9/2024 nên không thể tham gia phiên tòa xét xử được, nên ông đề nghị cho hoãn phiên tòa ngày 27/9/2024 chuyển sang một ngày khác để ông có điều kiện tiếp cận chứng cứ và các tài liệu của vụ án, tham gia và trình bày quan điểm, nguyện vọng.

Xét yêu cầu hoãn phiên tòa của ông Trần D, là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty L thì thấy: Tại đơn đề nghị hoãn phiên tòa, đại diện bị đơn cho rằng đang bị đau chữa bệnh trầm cảm tại Bệnh viện tâm thần Quảng Nam, công ty dừng hoạt động nên chưa nhận được thông báo nào của Tòa án thì thấy tại các Bảng kê chi phí khám chữa bệnh ngoại trú vào các ngày 08/8/2024 và ngày 19/9/2024 *(do ông D cung cấp kèm theo đơn xin hoãn phiên tòa)* thể hiện ông có đến bệnh viện khám và nhận thuốc, không ở lại bệnh viện, đồng thời theo kết quả xác minh của Tòa án tại Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam thể hiện bị đơn vẫn chưa làm thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại vận đơn do Bưu điện cung cấp cho Tòa án thể hiện đã phát thành công cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó việc đại diện bị đơn cho rằng chưa nhận được thông báo nào của Tòa án là không có cơ sở, đồng thời tại Đơn đề nghị hoãn phiên tòa đại diện bị đơn cũng thừa nhận đã nhận được Quyết định hoãn phiên tòa số 24 ngày 09/9/2024 của Tòa án vào ngày 10/9/2024. Như vậy trong thời gian nhận được quyết định hoãn phiên tòa (*từ ngày 10/9/2024 đến ngày 27/9/2024)* đại diện bị đơn có thể đến Tòa án để đề nghị sao chụp các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đến tham gia phiên tòa để trình bày quan điểm, nguyện vọng của mình nhưng bị đơn lại không đến mà có đơn đề nghị hoãn phiên tòa, cho nên lý do hoãn phiên tòa của đại diện bị đơn là không chính đáng (không phải là sự kiện bất khả kháng) nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại đơn khởi kiện, cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 132.435.000 đồng và buộc bị đơn phải trả lãi suất chậm trả cho nguyên đơn kể từ ngày quá hạn thanh toán là ngày 20/02/2024 đến ngày 20/5/2024 với số tiền là

2.145.447 đồng, tổng cộng là 134.580.447 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền còn nợ, chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 132.435.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[2.2] Vào ngày 25/01/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng mua bán số 2501/2024/VHQN-ĐL về việc nguyên đơn cung cấp bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông phục vụ thi công công trình đổ đường tại xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam. Xét thấy Hợp đồng mua bán số 2501/2024/VHQN-ĐL được ký kết bởi các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 431, 432, 433 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định Hợp đồng mua bán có hiệu lực.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 132.435.000 đồng thì thấy: Tại Hợp đồng mua bán số 2501/2024/VHQN-DL ngày 25/01/2024 hai bên thỏa thuận: Bên A *(Công ty L)* mua hàng và bên B (*Công ty H)* bán hàng bê tông thương phẩm cho bên A tại công trình đổ đường tại xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam. … Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã tiến hành giao bê tông cho bị đơn tại công trình với khối lượng và chất lượng theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng và nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn tương ứng với giá trị giao hàng là 314.685.000 đồng, bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn 182.250.000 đồng. Hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, tại biên bản đối chiếu công nợ tính đến thời điểm ngày 31/3/2024 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 132.435.000 đồng, tuy nhiên sau đó bị đơn không thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Xét thấy tại điểm b 2.3 Điều II của hợp đồng hai bên thỏa thuận: "… Sau khi xác nhận, bên B tiến hành phát hành hóa đơn GTGT và bên A có nghĩa vụ thanh toán ngay 100% giá trị hóa đơn, trừ đi tạm ứng trước đó, … bên B có nghĩa vụ phải giao hồ sơ thanh toán cho bên A trong vòng 02 ngày, kể từ ngày phát hành hóa đơn GTGT…". Như vậy căn cứ vào nội dung mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán, cụ thể là đã xuất hóa đơn cho bị đơn tương ứng với giá trị giao hàng và đã tiến hành đối chiếu công nợ và đã giao hồ sơ thanh toán cho bị đơn nhưng sau đó bị đơn không thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Việc bị đơn không thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 132.435.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận.

[2.4] Về án phí KDTM sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 132.435.000 đồng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 6.621.000 đồng (132.435.000 đồng x 5%= 6.621.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 244, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 431, 432, 433 và 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H đối với bị đơn Công ty L về yêu cầu trả lãi suất chậm trả với số tiền là 2.145.447 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H đối với bị đơn Công ty L về việc "*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa"*.

Buộc Công ty L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H số tiền 132.435.000 *(một trăm ba mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

- Về án phí KDTM sơ thẩm: Công ty L phải chịu 6.621.000 *(sáu triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn)* đồng. Hoàn trả lại cho Công ty H số tiền tạm ứng án phí 3.364.500 đồng *(ba triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001376 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27-9-2024); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Vân